

Số: 62/2020/QĐST-HNGĐ

*Tp. S, ngày 09 tháng 06 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 53/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 05 năm 2020 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Lưu Ngọc D, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số nhà 179, đường N, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Trần Hữu S, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số nhà 179, đường N, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Ngọc D và ông Trần Hữu S thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy bà Lưu Ngọc D và ông Trần Hữu S thật sự tự nguyện ly hôn nên được Tòa án chấp nhận.

[2] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Lưu Ngọc D và ông Trần Hữu S thống nhất xác định có hai người con chung tên Trần Thảo V, sinh ngày 25/12/1999 và cháu Trần Thảo H, sinh ngày 26/03/2003. Bà Lưu Ngọc D và ông Trần Hữu S thỏa thuận sau khi ly hôn giao cháu Trần Thảo H (phù hợp theo nguyện vọng của cháu H) cho ông Trần Hữu S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Trần Thảo H thành niên (đủ 18 tuổi). Đối với cháu Trần Thảo V đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Lưu Ngọc D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lưu Ngọc D và ông Trần Hữu S đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, sự thỏa thuận này hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho bà Lưu Ngọc D và con chung cháu Trần Thảo H nên được Tòa án chấp nhận.

Bà Lưu Ngọc D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cháu Trần Thảo H mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Bà Lưu Ngọc D và ông Trần Hữu S thống nhất xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Lưu Ngọc D và ông Trần Hữu S thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí sơ thẩm:

Bà Lưu Ngọc D và ông Trần Hữu S đồng ý mỗi người chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001905 và 0001906 ngày 21/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Như vậy bà Lưu Ngọc D và ông Trần Hữu S đã nộp xong lệ phí sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Ngọc D và ông Trần Hữu S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Lưu Ngọc D và ông Trần Hữu S thống nhất xác định có hai người con chung tên Trần Thảo V, sinh ngày 25/12/1999 và cháu Trần Thảo H, sinh ngày 26/03/2003. Bà Lưu Ngọc D và ông Trần Hữu S thỏa thuận sau khi ly hôn giao cháu Trần Thảo H (phù hợp theo nguyện vọng của cháu H) cho ông Trần Hữu S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Trần Thảo H thành niên (đủ 18 tuổi). Đối với cháu Trần Thảo V đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lưu Ngọc D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lưu Ngọc D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cháu Trần Thảo H mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà Lưu Ngọc D và ông Trần Hữu S thống nhất xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không

đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Lưu Ngọc D và ông Trần Hữu S thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

## 2. Về lệ phí Tòa án:

+ Bà Lưu Ngọc D đồng ý chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001905 ngày 21/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Bà Lưu Ngọc D đã nộp xong lệ phí sơ thẩm.

+ Ông Trần Hữu S đồng ý chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001906 ngày 21/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Ông Trần Hữu S đã nộp xong lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố S;
- Chi cục THADS thành phố S;
- UBND thị trấn L,  
huyện L, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Vương Thị Lệ Hằng**